TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 15-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;
2. Ông Đào Văn Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1940; địa chỉ: 184/1, tổ 5, khu phố K, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 1, khu phố C, phường V, thị xã U, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2017)

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị R, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 5, khu phố K, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1943; địa chỉ: 184/1, tổ 5, khu phố K, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 1, khu phố C, phường V, thị xã U, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/9/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 03/3/2008, bà Trần Thị N có cho bà Trịnh Thị R mượn số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn mượn là 12 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Việc mượn tiền có lập giấy tay, có chữ ký của bà Ráng. Tuy nhiên, khi hết thời hạn theo thoả thuận, bà R không thanh toán số tiền nợ trên cho bà N, bà N đã nhiều lần trực tiếp đến nhà bà R yêu cầu bà R thanh toán số nợ trên nhưng bà R cứ hẹn nhiều lần và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N. Do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu bà R trả cho bà N số tiền 100.000.000 đồng.

Chứng cứ bà N xuất trình là tờ giấy mượn tiền đề ngày 03/3/2008.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 11 năm 2017, bị đơn bà Trịnh Thị R trình bày: Ngày 03/3/2008, bà Ráng có vay tiền của bà Trần Thị N số tiền 100.000.000 đồng. Bà R vay số tiền 100.000.000 đồng này cho bà S, do bà S không có tài sản gì nên bà N không cho vay tiền, bà R đứng tên vay thay bà . Việc vay tiền có lập thành văn bản theo giấy đề ngày 03/3/2008. Bà R có ký tên "R" xác nhận việc vay tiền này. Bà R chỉ đứng tên vay tiền giùm cho bà S, bà R không nhận tiền, bà S là người nhận tiền và trực tiếp đóng lãi hàng tháng và trả góp cho bà Trần Thị N. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, bà R không đồng ý, bà R yêu cầu Tòa án triệu tập bà S đến Tòa án tham gia tố tụng. Từ năm 2008 đến nay, bà S đã trả cho bà N tiền nhưng bà R không biết bao nhiêu, bà R yêu cầu bà N khấu trừ số tiền bà S đã trả từ năm 2008 đến nay. Nếu nay bà S không có khả năng trả số tiền còn thiếu cho bà N thì bà R đồng ý trả số tiền nợ này cho bà N. Bà R không đồng ý với việc bà N cho bà S mượn 100.000.000 đồng đã chín năm nay bà S góp và đóng lãi mà bà N vẫn yêu cầu bà R trả lại cho bà Nhỏ 100.000.000 đồng.

Tại văn bản ý kiến đề ngày 28/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Sái và người đại diện theo uỷ quyền của ông P trình bày: Thống nhất theo phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu:

- Về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Ngày 03/3/2008, bà N có cho bà R vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, việc vay mượn có lập giấy tay. Bà R cho rằng việc vay mượn là là vay dùm bà S nhưng không cung cấp địa chỉ bà S. Bà R thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn , đây là tình tiết không phải chứng minh theo

quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Trịnh Thị R đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay 100.000.0000 đồng, chứng cứ nguyên đơn xuất trình là tờ giấy viết tay đề ngày 03/3/2008. Bị đơn bà Trịnh Thị R thừa nhận chữ ký tại tờ giấy viết tay đề ngày 03/3/2008 là chữ ký bị đơn, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cho rằng số tiền vay 100.000.000 đồng theo giấy viết tay đề ngày 03/3/2008 là bị đơn ký vay dùm cho bà S và bà S đã thực hiện việc trả lãi cho bà N từ năm 2008 đến nay. Xét thấy, nguyên đơn xác định việc vay mượn là giữa nguyên đơn và bà Trịnh Thị R, nguyên đơn không biết bà S và không có việc cho bà S vay và nhận tiền từ bà S như bị đơn bà R trình bày. Quá trình tố tụng, Toà án đã yêu cầu bà R cung cấp địa chỉ bà S để Toà án triệu tập tham gia tố tụng nhưng bà R vẫn không cung cấp và cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc vay mượn ngày 03/3/2008 là ký vay bảo lãnh cho bà S và chứng cứ bà S thanh toán tiền cho bà N. Do vậy, lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Do vậy, có căn cứ vào chứng cứ là tờ giấy viết tay đề ngày 03/3/2008 có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà R phải thanh toán số tiền đã vay 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 227; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005

- Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Buộc bị đơn bà Trịnh Thị R phải thanh toán cho bà Trần Thị N số tiền còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị R phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01)
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết